

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 3

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Kinh Giải, hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

Chúng ta từ “*nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ Kinh giả, nãi Tịnh Độ quân kinh chi thủ yếu, Tịnh Tông đại đức thường xưng vì Tịnh Độ đệ nhất kinh giả dã*” (nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ; các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất). Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị, câu này là do lão cư sĩ từ bi vô tận, trí huệ chân thật, vừa mở đầu, trong đoạn ngắn thứ nhất này, đã giới thiệu bộ kinh điển hữu này với chúng ta. Trong đời này, chúng ta may mắn có thể nghe, có thể đọc, có thể y giáo phụng hành, chúng ta có thể nói giống như ông Bành Tế Thanh: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, ông ta nói nguyên văn như thế. Một ngày như vậy quá khó có! Nói “*một ngày*” thì chúng ta phải nắm chắc ngày ấy, ngày ấy không chỉ là vĩnh viễn thoát ly luân hồi lục đạo, mà thừa cùng quý vị, còn là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo luân hồi, nhưng chưa thoát ly mười pháp giới, do thoát ly mười pháp giới khá khó khăn. Sau khi có được pháp môn này, sẽ thoát ly mười pháp giới. Ở đây nói là “*Tịnh Độ quân kinh chi thủ yếu*” (đứng đầu, trọng yếu nhất trong các kinh Tịnh Độ); theo tôi thấy, không chỉ là Tịnh Độ, mà còn là đứng đầu, trọng yếu nhất trong các kinh thuộc Đại Tạng Kinh! Quý vị đều biết: Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là kinh đứng đầu, trọng yếu nhất của Bát Nhã bộ¹, chẳng dài, hai trăm sáu mươi chữ. Đức Phật nói kinh Đại Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, hai mươi hai năm giảng những gì? Tâm Kinh triển khai thành bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, quy nạp lại, bèn thành hai trăm sáu mươi chữ này, bất tăng, bất giảm; nhưng Tịnh Độ Tông cũng có tâm kinh, tâm kinh là gì vậy? Kinh cuối cùng trong Tịnh Độ Ngũ Kinh là do Ấn Quang đại sư đề xuất, ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, trở thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Tôi thấy cử chỉ này,

1 Đây là cách phân chia các kinh trong Đại Tạng theo hệ thống tư tưởng, chẳng hạn như Niết Bàn bộ, Hoa Nghiêm bộ, Phương Đẳng bộ v.v... Bát Nhã bộ bao gồm toàn bộ các kinh đặc biệt giảng giải giáo nghĩa Bát Nhã như kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, Kim Cang, Nhân Vương Hộ Quốc, Phóng Quang Bát Nhã, Lý Thú Bát Nhã, Đạo Hành Bát Nhã, Đại Minh Độ, Thắng Thiên Vương Bát Nhã v.v... Bộ Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch bao gồm toàn bộ các bản kinh Bát Nhã đã được dịch trước đó.

kinh ngạc khôn cùng, thật sự rất tuyệt, đây chính là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm. Kinh văn của chương này là bao nhiêu? Còn ít hơn Bát Nhã Tâm Kinh, hai trăm bốn mươi bốn chữ. Bát Nhã Tâm Kinh có hai trăm sáu mươi chữ; chương này có hai trăm bốn mươi bốn chữ, là Tâm Kinh của Tịnh Tông. Tịnh Tông là phần quan trọng hàng đầu trong giáo pháp của cả Đại Tạng Kinh. Nói cách khác, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương có thể nhiếp trọn vẹn hết thảy kinh giáo và vô lượng pháp môn do thập phương tam thế hết thảy Như Lai đã nói, thật đấy, chẳng giả đâu! Viên Thông Chương dạy chúng ta: “*Bát giả phương tiện tự đắc tâm khai*” (chẳng nhờ vào phương tiện, tâm tự khai ngộ), “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) bèn thành công, bèn viên mãn. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, trong một đời này chúng ta được gặp gỡ, may mắn khôn sánh, phải giữ chắc. Nếu chẳng giữ lấy, đáng tiếc quá! Quý vị luân hồi trong lục đạo, ngày nào mới có thể gặp được những thứ này?

Chúng ta lại đọc tiếp, “*chí u Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh giả, nãi tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ, hội tập Vô Lượng Thọ Kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, ngũ chủng nguyên dịch, quảng hiệt tinh yếu, viên nhiếp chúng diệu, hội thành kim kinh, hiện thời vi Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bản giả dã*” (Còn như Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh là do tiên sư là lão cư sĩ Liên Cư, hội tập năm bản dịch kinh Vô Lượng Thọ trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, chọn rộng rãi những chỗ tinh yếu, thu tóm trọn vẹn các chỗ hay, hội tập thành bản kinh này, nay được tôn là bản hoàn thiện nhất của kinh Vô Lượng Thọ). Chuyện này không dễ dàng! Thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là cụ Hạ Liên Cư, cụ Hoàng sanh trưởng trong một gia đình tin Phật pháp, cậu của cụ Hoàng là cư sĩ Mai Quang Hy. Trong thuở ấy, Phật môn có câu “*Nam Mai, Bắc Hạ*”, [nghĩa là] trong giới tại gia học Phật, ở phía Nam, người bậc nhất là cụ Mai Quang Hy; ở phương Bắc, người bậc nhất là cụ Hạ Liên Cư. Câu “*Nam Mai, Bắc Hạ*” chỉ hai vị đại đức này. Hai người họ là đồng sự bao nhiêu năm, là đồng tham đạo hữu, quan hệ vô cùng thân thiết. Hoàng Niệm Tổ là cháu được gởi sang bên cụ Hạ, theo cụ Hạ học Phật. Theo học hơn hai mươi năm, trở thành truyền nhân, là đệ tử truyền pháp của cụ Hạ, trong Phật môn chúng ta gọi là “*pháp tử*”. Bộ kinh này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập dựa trên năm bản dịch gốc trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống được bảo tồn trong Đại Tạng Kinh. Nói về triều đại, Ngụy là nhà Tào Ngụy² thuộc thời đại Tam Quốc, triều Ngô cũng thuộc thời Tam Quốc. Ngụy

2 Nhà Tào Ngụy (220-266) do Tào Phi (con trai Tào Tháo) sáng lập. Năm 220, Tào Phi bắt Hán Hiến Đế (Lư Hiệp) nhường ngôi, xưng đế, lập ra nhà Ngụy. Lãnh thổ nước Ngụy bao gồm phần lớn phía Bắc sông Trường Giang, kinh đô là Lạc Dương. Do Tào Tháo được nhà Hán phong thái ấp thuộc vùng lãnh thổ nước Ngụy thời Chiến Quốc, nên có hiệu là Ngụy Công; vì thế, Tào Phi mới xưng quốc hiệu là Ngụy. Tuy Tào Tháo chưa bao giờ xưng đế, Tào Phi đã truy tặng cha mình là Ngụy Thái Tổ Vũ Đế, cũng như tôn xưng ông cố và ông nội là Cao Hoàng

và Ngô đều thuộc thời đại Tam Quốc, cùng với [các bản dịch thời] Đường và Tống, tổng cộng là năm bản dịch gốc. Sự phiên dịch này sẽ được nói trong phần sau. Với kỹ thuật ấn loát phát triển hiện tại, tìm năm bản dịch gốc chẳng khó khăn gì!

Đừng nói chi thời cổ, ngay trong lúc tôi học Phật, tức sáu mươi năm trước. Vào sáu mươi năm trước đây, ấn loát vẫn dùng chữ đúc bằng kim loại để sắp chữ, kể như đã tiến bộ lắm rồi, nhưng vẫn chẳng sánh bằng lối in bằng cách chụp ấn bản như hiện thời, hết sức thuận tiện! Thuở ấy, thư tịch cũng chẳng dễ gì tìm được, rất khó tìm năm bản dịch này. Bản thường thấy nhất là bản dịch đời Ngô, tức bản của ngài Khang Tăng Khải³; kinh Vô Lượng Thọ chỉ có bản này lưu thông bên ngoài nên [hành nhân Tịnh Độ] có thể đọc được, bốn bản kia rất ít lưu truyền. Chúng ta rất khó đọc được cả năm bản dịch gốc, trừ phi tìm trong Đại Tạng Kinh, chứ không có bản lưu thông riêng! Theo cổ đại đúc, năm bản dịch có nội dung sai khác rất lớn, có những điều được bản dịch này nói tới, bản dịch kia chẳng có. Do vậy, cổ đại đúc đã căn cứ trên chân tướng sự thật này để phán đoán: Đúng là trong thuở ấy, đúc Thế Tôn đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên mới có tình hình này. Nếu chỉ tuyên đọc một lần, người phiên dịch dầu nhiều, nói chung, [nội dung các bản dịch] sẽ là đại đồng tiểu dị, chẳng sai biệt rất lớn. Cách suy đoán này rất hợp với lý luận, chúng ta thừa nhận cách suy đoán ấy chính xác. Nhiều lần tuyên giảng, tỏ rõ pháp môn này trọng yếu. Thật đấy! Đặc biệt là trong thời kỳ Mật Pháp, hết thầy chúng sanh có thể đắc độ trong một đời, có thể nói là [chỉ có] pháp môn này. Chúng ta có thể nói: Về sau, cụ Hoàng Niệm Tổ niệm Phật vãng sanh. Lúc cụ bệnh nặng, đã cậy bạn bè bảo cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật mười bốn vạn tiếng, niệm Phật viên tịch. Cụ là Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông, nhưng chẳng tu Mật pháp, mà niệm Phật qua đời. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là Hiền Mật viên dung, cuối cùng vãng sanh cũng là niệm Phật qua đời. Những vị này đều là biểu diễn cho chúng ta xem.

Hai câu kệ đó gồm tám chữ nhằm giới thiệu đơn giản ưu điểm của bản hội tập này. “*Quảng hiệt tinh yếu*” nghĩa là toàn bộ những tinh hoa và phân khai thị quan trọng nhất trong năm bản dịch gốc đều thuộc trong bản hội tập này. Do vậy, chúng ta có thể nói: Bản hội tập này là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, cụ Hạ đã thực hiện

Đế và Thái Hoàng Đế, còn tự mình xưng là Văn Hoàng Đế, truyền được năm đời. Về sau, Tư Mã Viêm soán ngôi của Ngụy Nguyên Hoàng Đế (Tào Hoán), lập ra nhà Tấn.

Nhà Ngô (222-280) còn gọi là Đông Ngô hoặc Tôn Ngô, do Tôn Quyền (Ngô Thái Tổ) sáng lập, truyền được bốn đời, đóng đô tại Kiến Nghiệp (Nam Kinh). Đến đời Tôn Hạo, Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm) diệt Đông Ngô, Tôn Hạo bị giải về Lạc Dương. Do Tôn Hạo quá nhu nhược, hèn nhát, ngây ngô, nên Tấn Vũ Đế tha không giết, phong cho một tước hữu danh vô thực là Quy Mạng Hầu.

3 Do Đông Ngô và Tào Ngụy tồn tại song hành, nên nói là ngài Khang Tăng Khải sống vào đời Ngô cũng được.

công tác này. “Viên nhiếp chúng diệu”, “viên” (圓) là viên mãn, Lý, Sự tinh diệu nhất trong năm bản dịch gốc đều được gom vào bộ kinh này. “Hiện thời vi Vô Lượng Thọ kinh chi thiện bản giả dã” (được đề cao là bản kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất), ai đề cao? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư rất khiêm hư, đương nhiên cụ sẽ ngượng ngùng, chẳng tự nói. Quả thật là so với ba bản hội tập trong quá khứ, cả ba bản hội tập ấy đều có tỳ vết, còn bản này chẳng tìm được một khuyết điểm nào, khó có lắm! Người đề cao đầu tiên là lão pháp sư Huệ Minh, tức vị thầy quy y của cụ Hạ Liên Cư. Đây là một vị xuất gia, là một vị lão pháp sư thông Tông lẫn thông Giáo, Hiển Mật viên dung. Trong giới cư sĩ, người đầu tiên đề cao là đại sĩ Mai Quang Hy. Bản này truyền sang Đài Loan, cũng do một lão cư sĩ từ Sơn Đông mang sang Đài Loan. Phía trước bản này có một bài tựa rất dài; chư vị thấy trong bản in hiện thời, bài ấy được in kèm vào phía sau kinh. Thầy Lý thấy đây là lời tựa do thầy của mình viết để giới thiệu, bèn hoan hỷ khôn sánh! Khi đó, thầy Lý mới ngoài sáu mươi, đại khái khoảng sáu mươi lăm tuổi, thấy bản này, bèn giảng tại Đài Trung một lần. Bản này vừa mới được hội tập xong, được lưu thông với số ấn bản không nhiều lắm, đại khái chỉ in ba ngàn bản, số lượng không nhiều! Sau khi bản này ra đời, đương nhiên chưa có ai viết chú giải. Về sau này, chỉ nghe nói có pháp sư Từ Châu là một vị trưởng lão bên Luật Tông, Sư là một vị đại đức trong Phật môn vào đầu thời Dân Quốc, giảng bản này một lần tại Sơn Đông, lại còn viết khoa phán. Hoàng lão cư sĩ đã photocopy bản khoa phán này tặng cho tôi một quyển; tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, viết một bản khoa phán tỉ mỉ hơn, tôi có bản khoa hội này. Bản này được nhiều người tôn sùng như thế. Thầy Lý giảng bộ kinh này, tự viết lời mi chú; đọc lời mi chú của thầy, tôi có thể hiểu [nội dung của kinh]. Cụ phân chia [kinh văn thành] từng đoạn, nêu đại ý mỗi đoạn, đó chính là “khoa đề” (tựa đề của từng khoa) nhằm nêu rõ nội dung. Vì thế, lần đầu tôi giảng bộ kinh này tại Mỹ, đã dựa theo lời mi chú của thầy. Hình như đã giảng chừng hai ba lần rồi mới gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ tặng tôi bản chú giải này. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, cụ tặng tôi bản in bằng ronéo, in trên giấy thường, chữ in trong ấy lờ mờ, bản in như vậy đó. Khi ấy, cụ Hoàng trở về Bắc Kinh, tôi bèn cậy người thỉnh giáo lão nhân gia xem cụ có giữ bản quyền hay không. Nếu cụ giữ bản quyền, chúng tôi rất tôn trọng cụ. Nếu không giữ bản quyền, tôi chuẩn bị in thành sách, chính thức lưu thông tại Đài Loan. Cụ phúc đáp: “Không giữ bản quyền”, lại muốn tôi viết lời tựa, muốn tôi ghi tựa đề cho tác phẩm này⁴. Vì thế, chúng tôi in lần đầu một vạn bộ tại Đài Loan, bản này bèn được lưu thông tại hải ngoại.

4 Đây là một vinh dự. Người Hoa in sách thường nhờ một người viết chữ đẹp mà mình tôn trọng, quý mến nhất, dùng bút lông viết tên sách, chụp lại, in làm bìa. Cụ Hoàng Niệm Tổ cũng là một tay thư pháp lỗi lạc vùng Hoa Bắc, nhưng không tự đề tên sách, mà nhờ hòa thượng Tịnh Không viết tựa sách nhằm tỏ lòng kính mến sâu đậm.

Tịnh Tông Học Hội do cụ Hạ đề xướng. Phật pháp muốn hoàng dương trong xã hội hiện đại, cần phải có chánh danh (danh xưng chính đáng) như câu nói: “*Danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận*” (Danh chẳng chính đáng, chẳng thể nói lọt tai). Trong quá khứ, vào thời cổ, đạo tràng nhà Phật đều gọi là “*tự viện, am, đường*”, dùng danh xưng này; người hiện thời thấy danh xưng ấy bèn ngỡ là tôn giáo, cho là mê tín. Do vậy, cụ Hạ đề ra “*chánh danh*”, “*danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận*” rất có lý; tôi nghe xong, hoan hỷ, hết sức tán thành. Cụ nói: Đạo tràng là nơi đại chúng cùng nhau tu hành, hãy nên gọi là Học Hội. Tịnh Độ Tông thì Tịnh Tông Học Hội, Hoa Nghiêm Tông thì gọi là Hoa Nghiêm Học Hội, [tông Thiên Thai dùng danh xưng] Thiên Thai Học Hội, dùng chữ Học Hội. Cơ cấu giáo học dùng chữ Học Viện, tuyệt lắm! Người ta vừa nhìn, liền biết đây là cơ cấu giáo dục, chẳng đến nỗi dấn đáng mê tín, đề nghị này hết sức hay! Nhưng sau khi đề ra, chưa từng thiết lập trong nước, chẳng chính thức thành lập. Vì thế, cụ Niệm Tổ dặn tôi hãy thành lập tại hải ngoại: “Ông giảng kinh, hoàng pháp các nơi, hy vọng ông có thể thành lập bộ môn Tịnh Tông Học Hội ở các nơi”. Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập ở Vancouver là Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội, hiện thời vẫn còn. Thứ hai là Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội được thành lập tại Sunnyvale, San Jose, California, hiện vẫn còn tồn tại, do cư sĩ Dương Nhất Hoa chủ trì. Sau đấy, tại Mỹ và Gia Nã Đại, tôi thành lập tổng cộng hơn ba mươi hội, chắc là hiện thời vẫn còn, cũng có nơi chẳng còn. Tôi nghĩ là phải có mười mấy hội tại Mỹ và Canada. Thành lập nhiều nhất là ở Malaysia. Quốc gia Malaysia không lớn, nay sợ rằng có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, gần tới hai trăm hội, nơi ấy có nhiều nhất! Một nơi khác nữa là Âu Châu. Tôi biết ở Âu Châu, tại các quốc gia chủ yếu, gần như đều có [học hội], chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha đều có. Tại Úc Châu hình như có mười mấy chỗ. Trên thực tế, Tịnh Tông Học Hội có tánh chất không khác gì liên xã thuở xưa, chỉ là thay đổi tên gọi. Học hội không có tổ chức, không có quyền quản trị theo hàng dọc; cho nên nhân sự, kinh tế, hành chánh [của các học hội] hoàn toàn độc lập. Phàm là Tịnh Tông Học Hội, chúng ta đều là đồng đạo, đồng môn hữu nghị, quan hệ hữu nghị; các hoạt động theo quy mô lớn khi được yêu cầu, chúng ta đều góp sức, hỗ trợ hợp tác, không giống những giáo hội thông thường! Họ có tổng hội, phân hội, chúng ta không có! Chúng ta không có hội nào là tổng hội, hay hội nào là phân hội, không có! Mỗi hội đều lớn như nhau, đều là bậc nhất, không có bậc nhì. Thuở đức Thế Tôn tại thế, dạy học bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng lập một tổ chức nào, thậm chí một trường học cũng chẳng mở, cũng chẳng có lớp học nào! Tinh thần này tốt đẹp, thật sự “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chúng ta phải biết vĩnh viễn gìn giữ, phát dương quang đại, hòng hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức. Đây là nói thêm về lòng yêu thương của các vị lão nhân đối với hậu thế, chỉ dạy chúng ta nên làm như thế nào trong thời đại này.

Ấn Quang đại sư nói càng hay hơn nữa. Tổ Ấn Quang nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, cũng là nói trong thời đại hiện tại này, đạo tràng không nên quá lớn, đồng học chớ nên quá đông. Ngài dạy chúng ta: Tốt nhất là đồng học đừng nhiều hơn hai mươi người. Đúng thế, trong xã hội hiện thời, cách này hay lắm, chỉ tiêu ít, hai ba vị hộ pháp

khá giả sẽ có thể chiếu cố [đạo tràng]! Điều kiện đầu tiên của người tu hành là: Thân an ổn, đạo mới hưng thịnh. Quý vị muốn thân và tâm yên ổn, hết thảy đều phải đơn giản hóa. Nếu đơn giản, sẽ chẳng cầu cạnh ai, không sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta hai điều kiện. Lúc sắp viên tịch, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy các đệ tử hai điều kiện từ nay trở đi:

- Thứ nhất là phải trì giới, lấy Giới làm thầy.
- Thứ hai là lấy khổ làm thầy.

Quý vị không thể chịu khổ, chẳng thể trì giới, sẽ chẳng đạt được gì, [nếu có đạt được điều gì], đó là giả, chẳng thật! Hai câu khai thị này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác, chúng ta có làm được hay không? Vì lẽ gì người thuở trước có thể làm được? Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, mọi người đều có thể làm được, vì sao người hiện thời không thể làm được? Tôi suy nghĩ vấn đề này rất lâu, tôi đã tới rất nhiều nơi, gặp rất nhiều bạn học Phật trong nhà Phật chúng ta, kẻ tại gia không hành Thập Thiện Nghiệp, hàng xuất gia không hành Sa Di Luật Nghi, chúng tôi cảm thấy rất tiếc nuối. Chúng ta truy tìm nguyên nhân vì đâu? Truy tới cuối cùng, tìm ra căn nguyên: Thiếu giáo dục!

Vào cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, tức là khoảng từ năm Dân Quốc 20 (1931) trở về trước, tuy truyền thống văn hóa đã suy vi, ít người nói tới, nhưng vẫn có người nhắc tới, vẫn có người làm chuyện này, nên còn có cội rễ! Cũng có thể nói là gia giáo⁵ chưa hoàn toàn đoạn tuyệt, gia giáo tại Trung Quốc là giáo dục tư thực. Quê chúng tôi là đất văn hóa thịnh vượng vào thời cổ, phái văn học Đồng Thành⁶ thuộc quê hương chúng tôi, trong hai thời Minh và Thanh đã xuất hiện rất nhiều người tài năng. Tại nông

5 Chữ “gia giáo” ở đây bao gồm giáo dục trong gia đình lẫn sự giáo dục truyền thống do cộng đồng, địa phương duy trì. Có thể hiểu “gia giáo” là lối giáo dục theo truyền thống cổ, chưa học theo phương Tây.

6 Đồng Thành phái là một trường phái chuyên viết văn xuôi đời Thanh do Phương Bao khởi xướng; cùng với Phương Bao, Lưu Đại Khôi và Diêu Nãi được gọi là Đồng Thành Tam Tổ, tức ba người hoàn thành lý luận và tông chỉ của học phái này. Do cả ba người này đều quê ở huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy, nên trường phái này được gọi là Đồng Thành Phái. Họ chủ trương nghiên cứu những tác phẩm như Tả Truyện, Sử Ký để tìm ra ý nghĩa chân chính hòng tu thân lập đức. Năm Khang Hy 50, vì đã viết lời tựa cho bộ Nam Sơn Tập của Đới Danh Thế, Phương Bao bị liên lụy, phải hạ ngục. Về sau, được Lý Quang Địa phát hiện, tiến cử lên Khang Hy. Vua Khang Hy hết sức ngưỡng mộ, biết ông Phương không thích làm quan, bèn mời Phương Bao dùng thân phận áo vải để làm bạn văn chương của hoàng đế, thật ra là cố vấn riêng cho nhà vua tại Nam Thư Phòng. Ông trở thành “trí nang” (cái túi kiến thức) của ba đời vua Khang Hy, Ung Chánh và Càn Long. Dưới thời Ung Chánh, nghe theo lời nhà vua thuyết phục, ông đã chấp nhận giữ chức Tả Trung Doãn của Tả Xuân Phường Chiêm Sự Phủ, thăng Nội Các Học Sĩ, rồi Lễ Bộ Thị Lang, làm tổng biên tập bộ Đại Thanh Nhất Thống Chí cũng như làm phó tổng biên tập bộ Tam Lễ Thư thời Càn Long.

thôn, trong các thôn trang, trẻ nhỏ đều đi học, gần như không có trẻ nhỏ thất học, trường học mở trong các từ đường. Do có căn bản này, nên từ nhỏ đã học biết quy củ, đọc các sách cổ, có căn bản, tức là có căn bản về Nho học, có căn bản đạo đức. “Đạo” [ở đây] chính Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Đạo tràng phổ biến nhất của Đạo gia là miếu Thành Hoàng, sự giáo dục quan trọng nhất trong ấy là Thập Vương Điện, [tức điện thờ] Thập Điện Diêm Vương, dạy điều gì? Dạy nhân quả. Phụ nữ ở nông thôn mỗi năm đến miếu Thành Hoàng dâng hương cũng phải bốn năm lượt. Thuở nhỏ, tôi theo mẹ, khi đó, hãy còn rất bé, độ năm sáu tuổi, tới miếu Thành Hoàng thắp hương, cha mẹ có cơ hội giáo dục, bảo chúng tôi: “Khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đều đừng nên phạm tội. Phạm tội thì con thấy hình phạt là núi đao, vạc dầu. Nói dối bị rút lưỡi”. Ấn tượng này rất sâu, suốt đời cũng không thể quên! Lớn lên, khởi tâm động niệm bèn nghĩ đến miếu Thành Hoàng, có những chuyện quý vị chẳng dám làm. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Thiểu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”* (Tập luyện từ nhỏ sẽ trở thành tánh tình giống như bẩm sinh, do thói quen trở thành tự nhiên). Giáo dục được dưỡng thành từ nhỏ, sanh hiệu quả rất lớn. Gặp chuyện, quý vị sẽ suy nghĩ xem chuyện này có nên làm hay không, sau này còn có nhân quả ra sao, cho nên kính sợ! Vì vậy, học Phật, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rất dễ tiếp nhận, rất dễ làm được! Hiện thời vì sao khó khăn dường ấy? Giáo dục cơ sở truyền thống, giáo dục đặt nền tảng căn bản đã bị vứt bỏ. Chúng ta đánh nhau với Nhật Bản tám năm, [sự giáo dục căn bản này bị bỏ mất], tôi cảm thấy tổn thất khôn sánh. Sau này, chúng tôi dần dần tiếp xúc Phật pháp, quay trở về truyền thống văn hóa, [nhận biết] mối quan hệ giữa Nho, Thích và Đạo hết sức mật thiết, vĩnh viễn chẳng có cách nào tách rời! Sau khi tiếp xúc bèn hiểu rõ, [biết truyền thống văn hóa] thật tốt đẹp! Trên khắp thế giới không tìm đâu ra! Sau khi quý vị học rồi, mới thật sự yêu thương đất nước, yêu thương dân tộc, khắp thế giới không tìm đâu ra được [nơi nào có mối quan hệ này].

....Nhiều năm qua, chúng tôi tới nhiều quốc gia, qua lại với người ngoại quốc, biết mình, biết người, chúng ta hiểu ưu điểm lẫn nhược điểm của họ. Họ biết nhược điểm của người Trung Quốc, nhưng không biết ưu điểm, trừ một số ít nghiên cứu văn hóa và lịch sử Trung Quốc là hiểu được, không ai chẳng bội phục. Đó là [truyền thống văn hóa giáo dục] nhân tánh, họ bội phục. Như học giả Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đã nói rành rẽ: *“Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Không Mạnh và Đại Thừa Phật pháp”*, người Anh đã nói như thế đó. Đúng vậy, chẳng giả tí nào! Tôi tham dự hội nghị hòa bình do Liên Hợp Quốc chủ trì mười mấy lần; hiện thời, quốc tế và xã hội quá rối ren, gần như đã tới tình trạng không thể văn hồi, làm thế nào đây? Do vậy, khi tôi giảng diễn tại Kiếm Kiều (Cambridge), đã hỏi các đồng học: “Người Anh nói như thế đó, những thứ trong Nho gia và Đại Thừa Phật pháp thật sự có thể giải quyết vấn đề hay chẳng?” Các đồng học cười, không ai trả lời! Tôi lại hỏi: “Hóa ra tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói trật lất rồi sao?” Cũng chẳng có ai nói gì! Cuối cùng, tôi nêu quan điểm của mình, tôi nói: “Ông Thang Ân Tỷ nói không sai, đại khái là do chúng ta đã đọc và hiểu sai!” Vì sao? Đối tượng nghe tôi nói chuyện đều là sinh viên ngành Hán

học, đều nghiên cứu văn hóa truyền thống của Trung Quốc, nghiên cứu rất nghiêm túc, chúng ta chẳng thể không bội phục. Rất nhiều sinh viên thuộc lòng Luận Ngữ, tôi không thuộc Luận Ngữ, hoàn toàn thua họ. Họ dùng kinh điển Nho gia hay kinh Phật để viết luận án Tiến Sĩ. Trong đó, có một sinh viên cho tôi biết anh ta dùng kinh Vô Lượng Thọ để viết luận án Tiến Sĩ. Tôi nói: “Kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?” Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, cùng một bản như chúng ta đang học. Tôi nói: “Ngày hôm nay chúng tôi nhắc tới Khổng Mạnh, ngay lập tức quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, nghĩ đến những sách ấy. Nói đến Đại Thừa Phật học, nhất định sẽ nghĩ đến Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã. Những kinh điển Đại Thừa ấy đối với các vị rất quen thuộc, chúng có thể giải quyết vấn đề xã hội trong hiện tại hay không?” Không ai dám nói gì. Tôi bảo họ, [nghĩ như vậy] là hiểu lầm!

Nhắc tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, quý vị đều nghĩ tới những sách vở mang tánh chất đại biểu, không sai! Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh là đại biểu cho Nho gia. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Pháp Tướng là đại biểu của Đại Thừa Phật pháp, đúng vậy. Những thứ ấy là hoa quả, thật đẹp, thật ưa nhìn, hoa quả từ đâu ra? Mọc trên cành nhánh. Cành nhánh do đâu mà có? Cành nhánh có cội rễ; cội rễ là gì? Cội rễ của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng dài; trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng: Thập Thiện Nghiệp Đạo giống như đại địa, cây cối, hoa, cỏ, đều sanh từ mặt đất. Như vậy mới là đã tìm được cội rễ. Đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. Pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, đều sanh từ đại địa này, tìm được cội rễ rồi. Cội rễ của Khổng Mạnh là gì? Cội rễ của Khổng Mạnh là Đệ Tử Quy. Cội rễ của Đạo Giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên; ba thứ này không ai nghĩ đến! Những thứ này có thể sanh ra Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, có thể sanh ra hết thảy các pháp Đại Thừa, sanh từ đây. Quý vị tìm những thứ này, học từ đây, hạ công phu là được, thật sự cứu được. Để cứu xã hội hiện thời, ba loại cội rễ này sẽ hữu dụng.

Hiện thời, chúng tôi nghĩ tai nạn rất nhiều, trong kinh luận, đức Phật đã dạy chúng ta: Nếu một địa phương có đạo tràng, một đạo tràng thật sự, chẳng giả. Đạo tràng thật sự là gì? Là Lục Hòa Kính. Quý vị thấy khi chúng ta thọ trì Tam Quy, “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”, phải đọc lời thề này, câu này có nghĩa là gì? Tăng là tăng đoàn, là đoàn thể. Đoàn thể như thế nào sẽ được gọi là Tăng đoàn? Tăng đoàn không nhất định là người xuất gia! Mọi người học Phật nhất định phải hiểu rõ điều này. Từ bốn người trở lên, sống cùng một chỗ, đều tu Lục Hòa Kính thì gọi là Tăng đoàn, hay Hòa Hợp Chúng. “*Chúng*” (眾) là từ bốn người trở lên, người Trung Quốc gọi ba người là “chúng”, nhưng trong Phật pháp, bốn người gọi là “chúng”. Bốn người ấy nếu là gia đình của quý vị, gia đình quý vị có bốn người, trong gia đình tu Lục Hòa Kính thì gia đình quý vị là Tăng Đoàn. Tăng Đoàn sanh ra hiệu quả gì? Thập phương chư Phật hộ niệm, hết thảy long thiên thiện thần ủng hộ. Nơi nào có đoàn thể này, nơi ấy không có

tai nạn, thật đấy, chẳng giả đâu! Do vậy, “Tăng” không phải chỉ riêng người xuất gia! Chư vị phải biết: Xuất gia và tại gia đều như nhau, bốn người cùng tu hành một chỗ [là Tăng đoàn]. Lục Hòa Kính là gì? Chúng ta cũng treo những điều này phía ngoài lầu mười, quý vị vào đó sẽ thấy: “*Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân*”, sáu điều ấy. Phải làm thế nào mới có thể thực hiện những điều ấy? Thưa quý vị, thực hiện ba món căn bản [của Nho, Thích, Đạo như đã nói trên], sẽ thực hiện được [Lục Hòa Kính]. Nếu trong đoàn thể nhỏ này, chúng ta thực hiện Đệ Tử Quy, thực hành Cảm Ứng Thiên, thực hành Thập Thiện Nghiệp, sẽ là Tăng đoàn hòa hợp. Đoàn thể nhỏ này có số lượng từ bốn người trở lên; nếu nhiều thì chẳng hạn chế số lượng, tu hành trong đạo tràng này, đạo tràng này được thập phương chư Phật hộ niệm, tất cả long thiên thiện thần phù hộ. Có đạo tràng như vậy hay không? Tôi học Phật năm mươi chín năm rồi mà chưa hề thấy! Không chỉ là chưa thấy, mà cũng chưa nghe nói tới! Tôi chỉ nghe nói hai người xuất gia ở cùng một chỗ hằng ngày đều cãi nhau, đau buồn thay! Hiện nay lắm tai nạn như thế, nếu xuất hiện một Tăng đoàn như vậy, Hương Cảng có một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, cả khu Hương Cảng này sẽ chẳng có tai nạn. Quý vị có chịu phát tâm hay không? Chúng tôi đề nghị: Người thật sự phát tâm hãy ghi danh, ký tên. Trước đó, phải suy nghĩ cẩn thận, thật sự thực hiện. Nếu không làm, đừng bõn cọt. Đùa bõn tội rất nặng. Chúng ta chẳng thể đòi hỏi người khác, phải từ chính mình làm, từ bản thân làm, làm từ đạo tràng nhỏ này của chúng ta. Tôn trọng đạo tràng của người khác, quyết định chẳng phê bình, quyết định không can thiệp, quyết định chẳng nói người khác là sai, hết thấy hãy từ chính mình mà làm, từ đạo tràng nhỏ của chúng ta mà làm. Hãy xem đạo tràng nhỏ của chúng ta có ai ghi tên hay không? Có người phát tâm thật sự làm hay không? Tai nạn lắm như vậy, làm thế nào để cứu khu vực Hương Cảng? [Nếu] Hương Cảng không có tai nạn, tôi tin tưởng vùng duyên hải Trung Quốc sẽ không có tai nạn. Hướng ra ngoài, từ Nhật Bản, Hàn Quốc tới Đài Loan, Phi Luật Tân, dưới là đến Việt Nam, những khu vực này cũng chẳng có tai nạn, quý vị nói xem: Công đức này nhiều lắm! Hoàn toàn do chính mình có chịu phát tâm hay không, chịu thật sự làm hay không? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư suốt đời thường nói hai chữ này, “*chân cán*” (thật sự làm).

Thật sự thực hành ba thứ căn bản ấy, chúng ta quy y kinh Vô Lượng Thọ. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là dựa vào, dựa vào đạo lý được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, nương theo phương pháp giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, nghiêm túc tu hành, không ai chẳng sanh Tịnh Độ. Sanh vào Tịnh Độ là thành Phật trong một đời. Nói cách khác, quý vị thành Phật trong đời này, công đức viên mãn; nhưng quý vị phải ghi nhớ: Muốn thật sự viên mãn, ba món căn bản này rất trọng yếu. Có người cho tôi biết dường như người chẳng có ba căn bản này, nghe nói cũng vãng sanh, có tình hình này hay không? Có! Nhưng ba căn bản của người ấy chẳng lộ rõ! Người ấy có hay không? Chắc chắn là có; nếu không, làm sao có thể vãng sanh, đâu có lẽ này? Nói tới một bà cụ già niệm Phật vãng sanh, suốt đời cũng chưa hề học Phật, cũng chẳng hề học Đạo, mà cũng chẳng

hề học Nho, chuyện gì cũng chẳng biết. Quý vị lấy tiêu chuẩn của Đệ Tử Quy để xem xét, bà cụ có phạm một điều nào hay chẳng? Quý vị nghiêm túc kiểm tra, bà cụ chẳng phạm một điều nào, tuy chưa từng học! Thập Thiện Nghiệp chưa hề học, nhưng người này đúng là thiện nhân, trọn đủ! Quý vị quan sát cẩn thận, mới phát hiện: Người vãng sanh, người niệm Phật vãng sanh, bất luận có học hay không, biết chữ hay không, đều là người rất có đức hạnh, đều thật sự là thiện nhân mới có thể vãng sanh. Kẻ tâm hạnh chẳng lành, lấm muru mô, rất khó vãng sanh. Vì sao? Quý vị chẳng thể đến thế giới Cực Lạc là nơi chư thượng thiện nhân hội họp. Quý vị vẫn dấy lòng tính toán, làm sao có thể vãng sanh cho được? Quý vị khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát biết ngay, chư thượng thiện nhân ai nấy đều biết. Thật à? Thật đấy! Sách Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta thế này: Trong tâm của hết thảy chúng sanh vừa mới dấy một niệm, niệm ấy bèn trọn khắp pháp giới. Tốc độ quá nhanh, xúng tánh, nhưng bản thân chúng ta không biết! Bất luận niệm gì, chỉ cần niệm vừa dấy lên, sẽ có ba thứ trọn khắp:

- Thứ nhất là tin tức này trọn khắp pháp giới.
- Thứ hai là xuất sanh vô tận.
- Thứ ba là chứa đựng cả Không lẫn Có.

Trong một niệm bèn có ba thứ trọn khắp. Quý vị không có cách nào tưởng tượng phạm vi trọn khắp ấy, người Trung Quốc có hai câu nói hình dung hết sức hay: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*” (không có gì lớn mà ra ngoài, không có gì nhỏ mà chẳng lọt vào trong). Hai câu này rất nhiều người nghe đã quen tai, cũng đều có thể nói, nhưng trên thực tế, rất khó nói rõ ý nghĩa! “*Kỳ đại vô ngoại*” là không có ngăn mé, nhưng “*kỳ tiểu vô nội*” khó hiểu! Kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất hay, thế nào là “*vô nội*?” Trong một hạt vi trần có thế giới, thế giới như thế nào? To như thế giới bên ngoài! Trong vi trần có thế giới, thế giới trọn chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, vẫn như vậy, chẳng lớn hay nhỏ! Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, gọi là “*kỳ tiểu vô nội*”. Quý vị truy tìm đến tột cùng được chẳng? Tìm không được, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật chẳng nói dối, vì sao? Quý vị kiến tánh sẽ thấy được, bèn hiểu rõ. Quý vị chưa kiến tánh, nghĩ cách nào cũng nghĩ không ra, đều chẳng thể tư duy được! Do vậy, gọi là chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] chẳng thể nghĩ, chẳng thể tưởng, cũng chẳng có cách nào bàn luận, xúng tánh mà! Thứ gì chẳng xúng tánh? Thứ nào cũng đều xúng tánh, chỉ là do chúng ta mê, nên bất giác!

Ở đây nói tới bản hay nhất, bản tiêu chuẩn tốt nhất, trong bản này không có chữ sai. Sợ nhất là sách bị sai chữ, trong bản này không có chữ sai, đó chính là bản tốt nhất. Nghĩa lý chẳng bị khiếm khuyết, lóng lánh hoàn chỉnh, phương pháp tinh tế. Chiếu theo lý luận và phương pháp này tu hành, quý vị có thể đạt được lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật quan trọng nhất là: Quý vị liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, liền khế nhập cảnh giới, đó gọi là “*liễu nghĩa*”

rốt ráo”. Chúng ta thường gọi khế nhập cảnh giới là “*chứng quả*” hay “*thành Phật*”, có ý nghĩa như vậy!

Chúng ta xem câu tiếp theo. “*Vô Lượng Thọ kinh nãi Tịnh Tông chi tổng cương*” (kinh Vô Lượng Thọ là tổng cương lãnh của Tịnh Tông): “*Cương*” (綱) là cương lãnh, [tổng cương] là tổng cương lãnh; do vậy, được gọi là “*Tịnh Tông đệ nhất kinh*”. Kinh Tịnh Tông không nhiều lắm. Trong tất cả các tông phái, chỉ có Tịnh Độ Tông là kinh điển ít nhất, chỉ có ba bộ kinh, một bộ luận, đó là [nói về] lúc xưa. Ba bộ kinh, thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ, thứ nhì là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, thứ ba là A Di Đà Kinh, phân lượng đều rất ít; một luận là Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, tam kinh nhất luận! Một luận chính là báo cáo tâm đắc về việc tu Tịnh Độ, vãng sanh thế giới Cực Lạc của Thiên Thân Bồ Tát để chúng ta tham khảo. Hiện thời thì sao? Hiện thời là ngũ kinh nhất luận, ngũ kinh do đâu mà có? Ba kinh là do Phật nói, ngũ kinh là trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh; vợ vua Hàm Phong là Từ Hy Thái Hậu mọi người đều biết, nói đến Hàm Phong thì chẳng mấy ai biết đến! Nói Từ Hy Thái Hậu rất nhiều người biết, chồng Từ Hi Thái Hậu là Hàm Phong. Trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, trong phần sau sẽ giới thiệu, vị lão cư sĩ này cũng rất giỏi, đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, không phải là một phẩm, quyển cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, đem quyển cuối cùng này của kinh Hoa Nghiêm, tức là rút ra một chương trong một phẩm này, ghép vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, trở thành Tịnh Độ Tứ Kinh. Do vậy, nếu sau này, quý vị thấy trong Phật môn có Tịnh Độ Tứ Kinh, quý vị biết đó là do ông Ngụy Mặc Thâm thêm vào. Thêm hay lắm! Vì sao thêm vào rất hay? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là trong bản hội tập của cụ Hạ, chúng ta thấy phẩm thứ hai là Đức Tuân Phổ Hiền, một chương ấy. Quả thật kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng trở về Tịnh Độ, trở về kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy, ông ta thêm thiên ấy vào hay lắm. Đó là Tịnh Độ Tứ Kinh.

Ngũ kinh là do Ấn Quang đại sư [đề xướng], vị này thuộc thời cận đại, Ấn Quang đại sư cách chúng ta không xa, năm Dân Quốc hai mươi mấy Ngài mới vãng sanh⁷ trong thời gian Kháng Chiến. Ngài đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, đem đoạn kinh văn ngắn này ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Cách làm này chẳng thể nghĩ bàn! Tịnh Độ có cần thêm kinh điển nào khác nữa hay không? Không cần! Đến đây là đã viên mãn. Vì sao? Hai trăm bốn mươi bốn chữ, tôi đã nói với quý vị, đó là Tâm Kinh của Tịnh Độ Tông, mà cũng là Tâm Kinh của toàn bộ giáo pháp trong Đại Tạng Kinh. Đây cũng là như Thiện Đạo đại sư lão nhân gia thường nói: “*Chư Phật sở dĩ xuất hiện trong thế gian chỉ vì để nói biến bốn nguyện của Phật Di Đà*”.

7 Ấn Quang đại sư viên tịch năm Dân Quốc 29 (1940).

Cách làm này của Ân Quang đại sư đã khiến cho chúng ta hoàn toàn hiểu rõ câu nói ấy của Thiện Đạo đại sư. Phương pháp bậc nhất của hết thầy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, phổ độ chúng sanh trong mười pháp giới của hết thầy các cõi Phật là gì? Là trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm độn căn lẫn lợi căn, đó là pháp môn tuyệt diệu! Cực đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, ai cũng có thể tu, ai cũng đều có thể thành tựu. Thiện Đạo đại sư nói pháp môn này “*vạn tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai!

Vì sao người tu Tịnh Độ đông như thế, người vắng sanh ít như vậy? Có mâu thuẫn với [lời nhận định của] Thiện Đạo đại sư hay không? Thưa quý vị, không! Do nguyên nhân nào? Quý vị tu hành chẳng đúng pháp, đúng lý! Lỗi tại quý vị, chẳng phải do pháp môn, không do kinh điển. Nếu quý vị tu đúng pháp, đúng lý, thật sự là “*vạn người tu, vạn người đến*” chẳng sót một ai! Kinh Di Đà đã dạy rất rõ ràng: “*Không thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy*”. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Nhân duyên là gì? Nay chúng ta trọn đủ nhân duyên, được làm thân người là nhân duyên, gặp Phật pháp là nhân duyên, gặp Đại Thừa là nhân duyên, gặp kinh Hoa Nghiêm, gặp Tịnh Độ là nhân duyên phi phạm, duyên trọn đủ. Vấn đề ở đâu? Thiện căn, phước đức. Thiện căn là gì? Tín giải. Quý vị có thật sự tin tưởng hay không? Đối với pháp này, quý vị còn có vấn đề nào hay không? Nếu còn có hoài nghi, thiện căn của quý vị có vấn đề. Quý vị có hiểu rõ đạo lý Tịnh Tông hay không? Không thấu triệt, hiểu rõ; hiểu rõ sẽ giúp quý vị tin tưởng. Sở dĩ quý vị có hoài nghi là do chưa lý giải thấu triệt. Thật sự hiểu rõ, minh bạch, sẽ chẳng hoài nghi. Quý vị có tín giải, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Thật sự hành! Người thật sự hành có phước đức. Quý vị chẳng thật sự hành, vẫn chưa buông thế gian này xuống được, còn lưu luyến, vậy là xong luôn! Quý vị cũng rất khó thành tựu. Vì thế, kinh không có khuyết điểm, lý luận và phương pháp đều không có khuyết điểm. Khuyết điểm là do phiền não và tập khí của chính mình. Nếu buông những thứ ấy xuống, chắc chắn quý vị đạt được Tịnh Độ ngay trong một đời này!

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn lời ông Bàn Thiệu Thăng (Bàn Tế Thanh): “*Ngã quốc Thanh đại Bàn Thiệu Thăng cư sĩ tán viết: Vô Lượng Thọ kinh giả, Như Lai xướng tánh chi Viên Giáo, chúng sanh bản cụ chi hóa nghi*” (vào đời Thanh, cư sĩ Bàn Thiệu Tăng của nước ta đã ca ngợi: “Kinh Vô Lượng Thọ là Viên Giáo xướng tánh của Như Lai, là cơ nghi hóa độ chúng sanh sẵn có”). Mấy câu này hết sức quan trọng! “*Như Lai*” là những vị minh tâm kiến tánh trong mười phương, đó là chư Phật Như Lai. Kinh Vô Lượng Thọ là lời bàn luận xướng tánh, từng câu, từng chữ đều từ tự tánh lưu lộ, từng câu, từng chữ đều viên mãn, nên gọi là Viên Giáo. Tự tánh của hết thầy chư Phật Như Lai và tự tánh của hết thầy chúng sanh là một tánh, chẳng phải hai tánh. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói đến tự tánh thường thường dùng biển làm tỷ dụ, [chẳng hạn như] “*tánh hải*”. Mỗi một chúng sanh khác nhau giống như một bọt nước trong biển cả, bọt nước do đâu mà sanh ra? Từ biển sanh ra. Từng bọt nước nếu không bị vỡ tan, dường như có đối lập. Chỗ này là một bọt, chỗ kia là một bọt khác. Sau khi

bọt nước vỡ tan, tất cả đều là biển cả. Người thông minh chẳng cần chờ [đến lúc] bọt nước vỡ, toàn là nước biển, mỗi bọt nước đều là nước biển, nước biển là tự tánh. Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế), không có gì chẳng giống nhau, vì sao? Quý vị chẳng lìa tự tánh. Câu này đã đem Thật Tướng của các pháp nói huých toẹt trong một lời, chúng ta và hết thầy chúng sanh có quan hệ gì? Một Thế, một tự tánh! Quý vị nói xem: Quan hệ này có mật thiết lắm hay không? Vì sao có sai biệt nhiều như thế? Do mê hay ngộ khác nhau! Ngộ bèn biết chúng ta là một Thế, còn thân thiết hơn người một nhà, một Thế mà! Khi mê mới chia ra ta, ra người, mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới tạo nghiệp, mới chuốc lấy những quả báo oan uổng. Oan uổng luân hồi trong lục đạo, là cảnh giới trong mộng, chúng chẳng thật. Thật sự tham thấu thì giấc mộng ấy cũng chẳng rời khỏi tự tánh. Do vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng lìa tự tánh, đều do tự tánh hiện.

Do vậy, ông ta (Bành Tế Thanh) nói: “*Chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*”, nay ta gọi “*nghi*” (儀) là phương thức hay hình thức. Nay chúng ta dạy bảo học trò, dùng hình thức như thế nào. Nay chúng ta biết: Đối với trẻ nhỏ, trẻ thơ, chúng ta lập ra vườn trẻ, mở trường Tiểu Học, tùy theo độ tuổi của chúng, rồi lại mở trường Trung Học, mở Đại Học, rất giống phương thức ấy. Đó gọi là “*hóa nghi*”. Trừ hóa nghi ra, còn có “*hóa pháp*”, “*pháp*” là phương pháp dạy học. Chúng sanh căn tánh khác nhau; đối với căn tánh khác nhau, dùng phương pháp gì để dạy họ? Vì thế, nhà Phật nói tới hóa nghi và hóa pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm dạy học trò, xét theo phương diện hóa nghi: Trước hết, sau khi khai ngộ, Ngài giảng A Hàm mười hai năm. A Hàm giống như Tiểu Học của Phật giáo, giảng điều gì? Giảng pháp nhân thiên, giảng cách làm người như thế nào, cũng như ngày nay chúng ta nói là giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả. Trong kinh A Hàm, những thứ giáo học này rất nhiều, chú trọng những điều đó. Đến thời kỳ Đại Thừa, dần dần thảo luận vũ trụ và nhân sinh, nay chúng ta gọi là Triết Học và khoa học, đều giảng đến viên mãn rột ráo. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp từ đâu ra? Ta từ đâu đến? Giảng thật rõ ràng, minh bạch, quả thật chẳng dễ dàng! Cho tới hiện thời, bao nhiêu khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia trên thế giới đang nghiên cứu vấn đề này, đều chẳng tìm được câu trả lời, vẫn là có những vấn đề tồn đọng, chỉ riêng Đại Thừa Phật pháp giảng rõ ràng, giảng minh bạch, chẳng có nghi hoặc!

Bởi lẽ, thuở ấy tôi học Triết Học, Phương tiên sinh giảng Triết Học trong kinh Phật cho tôi nghe, cụ bảo tôi, theo cách nhìn của cụ: “*Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới; kinh Phật là đỉnh cao nhất của Triết Học trên cả thế giới*”. Đây là nguyên văn lời cụ nói, cụ bảo tôi như thế này: “*Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người*”, cụ dẫn tôi tiến vào Phật môn. Lại còn đặc biệt bảo tôi, câu nói này rất trọng yếu. Nếu không, tôi sẽ mê hoặc, sẽ hoài nghi, sẽ nhìn những kẻ học Phật học như thế nào, chân tướng có đúng như Phương tiên sinh nói hay chẳng? Vì thế, câu nói sau

đây của Phương tiên sinh quan trọng lắm, cụ bảo: “*Triết Học trong kinh Phật ở trong kinh điển, không ở trong chùa chiền*”! Câu này hết sức trọng yếu. Vì sao không ở trong chùa chiền? Người trong chùa chẳng học! Xưa kia, cổ đại đức trong chùa chiền thật sự rất phi phạm, vì sao? Họ học thật sự. Nay thì sao? Người xuất gia trong chùa chiền hiện thời chẳng học, biến [Phật giáo] thành tôn giáo. Xuất gia để làm gì? Xuất gia để giao tiếp quỷ thần, lo siêu độ, làm Phật sự, pháp hội, làm những chuyện này. Những chuyện này có cần phải làm hay không? Cần chứ! Nhưng phải nên làm như thế nào? Vào trong quỹ đạo để làm, còn trong nhân đạo hãy lo dạy con người. Quỹ đạo có hay không? Có! Phật, Bồ Tát ở trong quỹ đạo; quý vị thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát: “*Địa ngục bất không, thế bất thành Phật*” (Địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật). Quý vị thấy làm lễ Diệm Khẩu, Tiêu Diệm Đại Sĩ đối diện với Diệm Khẩu là ai? Là Quán Thế Âm Bồ Tát, hiện thân quý trong quỹ đạo để độ quý đạo. Nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, thân đang ở trong nhân gian thì phải dạy con người, sao lại dùng thân người để dạy quý? Đâu có lẽ ấy! Dùng thân quý cũng chẳng thể dạy người.

Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, nên dạy họ điều gì sẽ dạy họ điều ấy! Phải biết điều này không do chính các Ngài quyết định, mà do người ấy cảm, Phật bèn ứng, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thắng (Masaru Emoto) của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, chúng ta dùng thiện tâm để cảm, quý vị thấy nước đáp ứng bằng kết tinh đẹp nhất. Chúng ta dùng ác niệm để cảm, nó đáp ứng bằng hình thái rất khó coi. Chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh cũng như vậy! Họ dấy lên niệm gì để cảm các Ngài, các Ngài bèn ứng như thế. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, tuyệt đối chẳng có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi nào. Nếu có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi, sẽ là phạm phu. Phạm phu mới có cách suy tưởng và nghĩ ngợi, Pháp Thân Bồ Tát là bậc kiến tánh, chắc chắn không có, vì sao? Kiến tánh thì điều kiện đầu tiên là đoạn trừ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, chẳng động niệm, còn có cách suy tưởng hay cách nhìn gì nữa đây? Không có! Đó gọi là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Do vậy, chúng sanh có tâm cảm, Phật vô tâm ứng, nên gọi là “*xưng tánh*”, tự tánh tự nhiên sẽ có ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu ý nghĩa hóa nghi và hóa pháp này. Nói thông thường, trong khi học tập, chúng ta cũng thường nói “*hóa ác thành lành*”. Nay chúng ta giúp đỡ người khác, bước đầu tiên là dạy kẻ ấy, giúp kẻ ấy sửa đổi. “*Hóa*” (化) ở đây là biến hóa khí chất, là giáo học nói theo mặt quả. Mục tiêu cuối cùng của giáo học là biến hóa khí chất của người được dạy. Nói cụ thể, biến hóa ác niệm, lời nói ác và hành vi ác thành thiện niệm, thiện hạnh, tức là chúng ta dạy học thành công! Đây là bước đầu tiên. Tiến thêm bước nữa, chính là hóa mê thành ngộ, đây mới thật sự là Phật pháp. Hóa ác thành thiện là thế gian pháp, hóa mê thành ngộ mới có thể xuất thế gian, thật sự giác ngộ. Cuối cùng là hóa phàm thành thánh, tiến lên cao hơn từng bước một!

Xét về phần tài liệu, có thể nói là Hoàng lão cư sĩ rất dụng tâm, hết sức phong phú, tận tâm tận lực sưu tập. Tiếp theo đó, cụ trích dẫn lời pháp sư Đạo Ân của Nhật Bản tán

thán kinh Vô Lượng Thọ: “*Như Lai hưng thế chi chánh thuyết*” (là chánh thuyết do đức Như Lai xuất hiện trong cõi đời [nhằm nói ra]), “*hung*” (興) là hưng khởi (興起), ý nghĩa tương đồng với lời Thiện Đạo đại sư. Thiện Đạo đại sư nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế*”. Chữ “*hung*” này là “*hung khởi*”, xuất hiện trên thế gian, “*duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (chỉ để nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà), bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh. Tôi không tra tài liệu xem vị Đạo Ân này là người thời nào, vì Tịnh Độ Tông Nhật Bản là từ Thiện Đạo đại sư truyền sang. Vào thời Đường, có nhiều cao tăng Nhật Bản sang Trung Quốc du học; lúc ấy, Thiện Đạo đại sư còn tại thế. Do vậy, tại Nhật Bản, Thiện Đạo đại sư rất nổi danh. Ngài chẳng nổi tiếng tại Trung Quốc, chứ ở Nhật Bản, Ngài rất nổi tiếng. Nhật Bản có rất nhiều ngôi chùa mang tên Thiện Đạo Tự. Quý vị thấy Thiện Đạo Tự, biết đó là Tịnh Độ Tông. Đài Bắc còn có một ngôi Thiện Đạo Tự, được thành lập vào thời Nhật Bản thống trị [Đài Loan], đây là đạo tràng Tịnh Độ Tông. Do vậy, câu nói này có lẽ phỏng theo Thiện Đạo đại sư. Sư nói: “*Như Lai hưng thế chi chánh thuyết*” thì nói cách khác, hết thầy các kinh khác do đức Phật đã nói, hết thầy các kinh trong bốn mươi chín năm đều là “*bàng thuyết*” (nói kèm thêm), kinh này mới là chánh tông. Kinh Vô Lượng Thọ là chánh tông, những kinh khác đều nhằm phụ trợ kinh Vô Lượng Thọ, có ý nghĩa này, đây mới là chánh thuyết. Vì thế, quả thật qua lời tựa của đại sĩ Mai Quang Hy, chúng ta thấy các vị đại đức thời Tùy - Đường đều thừa nhận: Ngay cả kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đều nhằm dẫn dắt chúng ta quy hướng Tịnh Độ. Quý vị đọc phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Vì vậy, ông Ngụy Mặc Thâm ghép quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vào cuối tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh là có lý, chẳng phải bàn cãi gì nữa, chúng ta hai tay tán thành hành động này! Kinh Hoa Nghiêm quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật, cũng do nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, Cô ta nghe hiểu rồi, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đây là như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Ngàn kinh vạn luận, chỗ nào cũng chỉ quy*”. Do vậy, nói kinh này là chánh thuyết, xác thực là có căn cứ.

“*Kỳ đặc tối thắng chi diệu điển*” (bộ kinh điển màu nhiệm lạ lùng, đặc biệt, thù thắng nhất). “*Kỳ đặc*”, tối thắng là thù thắng khôn sánh, hết thầy các kinh chẳng thể sánh bằng, kể cả kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tuy [hai kinh ấy] đều là Đại Thừa, đều là kinh Nhất Thừa, nhưng đâu có thù thắng như pháp môn này! “*Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết*” (giảng về Nhất Thừa rất ráo đến tột cùng), nói rõ chỗ lạ lùng đặc biệt ở nơi nào, thù thắng nhất ở chỗ nào. Kinh này đúng giáo pháp Nhất Thừa. Giáo pháp Nhất Thừa là thành Phật trong một đời, được kinh này giảng đến chỗ viên mãn rất ráo. “*Tốc tạt*” (速疾) là nhanh chóng. Trong các pháp môn, tức là các pháp môn của các tông phái thông thường, thời gian tu học đều phải rất lâu, chỉ riêng pháp môn này chẳng cần một thời gian rất dài. Trong các pháp môn khác, tu hành phải mất vô lượng kiếp mới có thể đào thải hết sạch phiền não tập khí, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh

phiền não. Quý vị chẳng đoạn hết phiền não, làm sao có thể hoàn nguyên? Hết vọng mới hoàn nguyên. Kinh Hoa Nghiêm gọi những phiền não ấy là “vọng tướng, phân biệt, chấp trước”, dùng những danh từ này. Vọng tướng là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Những danh từ này đều có thể tra trong Phật Học Đại Từ Điển. Đào thải hết sạch, đoạn hết Kiến Tư phiền não, bèn chứng A La Hán, vượt thoát lục đạo. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới, lục đạo là giới hạn, ở trong lục đạo thì gọi là nội phạm, là phạm phu, [nội phạm] tức là phạm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phạm, ở ngoài lục đạo, nhưng vẫn phạm phu, chưa phải là thánh nhân. Phạm và thánh sai biệt ở chỗ nào? Một đấng dùng chân tâm thì là thánh nhân, [một đấng] dùng vọng tâm là phạm phu. Vọng tâm là dùng A Lại Da Thức. Phải biết: Trong tứ thánh pháp giới, ngoài A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, còn có Phật, [tức là] trên đó còn có Phật, [nhưng Phật trong tứ thánh pháp giới] hoàn toàn dùng A Lại Da. Vì thế, gọi là “ngoại phạm”, tức phạm phu ở ngoài lục đạo! Tuy họ dùng vọng tâm, vọng tâm này được dùng rất chánh đáng, rất giống chân tâm. Vì sao dùng rất chánh đáng, rất giống chân tâm? Đều do học Phật, dung hội lý luận được giảng trong kinh Phật vào nội tâm của chính mình, tức là vào trong A Lại Da, biến [những lý luận ấy] thành những chủng tử trong A Lại Da, nên khi thực hiện, từng điều trong Giới Luật đều được thực hiện rõ rệt, đều làm rất khá, hết sức giống Phật. Do vậy, tứ thánh pháp giới được gọi là “*tương tự tức*”, [nghĩa là] rất giống, làm rất giống, nhưng chưa phải là thật sự. Vì sao chưa phải là thật sự? Chưa chuyển Thức thành Trí, chưa chuyển được! Đây chính là như kinh Bát Nhã đã dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, hướng chi phi pháp). Giáo lý giảng trong kinh quý vị làm được, làm tốt đẹp, nhưng vẫn là phạm phu, có thể ra ngoài lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới. Nếu muốn ra khỏi mười pháp giới, phải buông những thứ này xuống. Pháp còn nên bỏ, hà hướng phi pháp! Phật pháp cũng bỏ luôn, sẽ thoát khỏi mười pháp giới, phải biết điều này!

Vì thế, quý vị thấy kinh này tuyệt lắm! Phương pháp tu hành trong kinh này, đầu tiên là như trong tựa đề kinh này, nửa đầu là quả báo, nửa sau là tu nhân. Nửa đầu là “*Đại Thừa*”, Đại Thừa là gì? Đại Thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. “*Vô lượng thọ*” là đức, “*trang nghiêm*” là tướng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, trí huệ là Đại Thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm. Đây là trên mặt quả, hết thấy chúng sanh đều có. Chúng ta khôi phục chúng như thế nào? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là Tu Đức. Chúng ta tu hành là tu gì? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thành tựu bằng giới luật. Tâm bình đẳng thành tựu bằng Thiền Định. Giác thành tựu từ Bồ Đề. Giác là đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy, tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chứng “*Đại Thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”, ngay trong tựa đề kinh [đã nêu ra cương lĩnh tu hành và thành tựu nơi quả địa].

Bởi lẽ đó, tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc, các tổ sư đại đức đã nói rất tuyệt, nói thật hay: “*Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết, tốc tạt viên dung chi kim ngôn*” (Lời giảng về Nhất Thừa rốt ráo đến tột bậc, là lời vàng viên dung nhanh chóng). Chữ “*kim*” này được dùng rất nhiều trong kinh Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa. Kim có nghĩa là gì? Vàng chẳng thay đổi. Kim loại đều bị oxide hóa, đều bị đổi màu, chỉ mình hoàng kim không thay đổi, quý ở chỗ này. Vì thế, Phật pháp dùng “*kim*” theo ý nghĩa “không thay đổi”. “*Kim thân*” vĩnh hằng bất hoại, là chân thân, dùng theo ý nghĩa này; chứ không phải là thật sự sơn thành màu vàng ròng. Hiện thời, trong chùa chiền, tượng Phật mạ vàng, nhằm biểu thị pháp. [Da] Phật có thật sự giống như màu vàng mạ hay không? Màu ấy cũng trợn chẳng dễ coi! Phải hiểu đó là biểu thị pháp, vĩnh hằng không thay đổi, là xứng tánh. Thân ấy có hay không có? Có! Trong cõi Thật Báo thì có, trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, cõi Thật Báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng của quý vị vĩnh viễn không thay đổi. [Nhân dân trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sanh từ bào thai, chẳng phải là từ trẻ nhỏ dần dần trưởng thành. Chẳng phải! Họ là hóa sanh, hóa sanh đến nơi ấy trong hoa sen. Hóa thân có hình dáng như thế nào? Dáng vẻ chẳng khác A Di Đà Phật cho mấy, chỗ này là pháp bình đẳng. Hiện thời, chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẽ A Di Đà Phật đặc biệt to, vẽ Bồ Tát nhỏ hơn một chút, người vãng sanh lại vẽ nhỏ hơn chút nữa. Điều này cũng không đúng pháp, to như nhau! Đâu có to hay nhỏ như vậy! Thật sự có to hay nhỏ, sẽ chẳng bình đẳng, to như nhau! Vĩnh hằng không thay đổi, họ là hóa sanh. Do những điều này, quý vị đọc kinh giáo nhiều hơn, sẽ dần dần hiểu rõ, sẽ thấy ý nghĩa được thật sự bao hàm ở đây.

Vì sao không bị biến hóa? Vì chẳng có ý niệm, đạo lý ở chỗ này! Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ tin tưởng. Biến hóa do đâu mà có? Biến hóa là “*duy thức sở biến, duy tâm sở hiện*”. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến, đã chuyển Thức thành Trí, cho nên chẳng biến. Quý vị không có ý niệm, sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm sẽ biến; chẳng khởi tâm, không động niệm, làm sao biến? Sẽ chẳng biến, vĩnh hằng không thay đổi. Hoa, cỏ, cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn chẳng điêu tàn, vĩnh viễn chẳng biến chất, đạo lý ở chỗ này! Cư dân nơi ấy vẫn chưa phải là cảnh chuyển theo tâm ư? Cư dân nơi ấy mỗi người đều minh tâm kiến tánh. Nói “*minh tâm kiến tánh*” là đã đoạn vọng tưởng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, mọi người chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Đạo lý là như thế đó! Chúng ta hiểu rõ rồi, bèn thừa nhận chuyện này là thật, chẳng giả!

Chúng ta muốn bất biến trong thế giới này có được hay chẳng? Được! Quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm là được, cảnh giới như vậy đấy! Làm không được là vì ý niệm quá vi tế. Quý vị thấy đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi ngài Di Lặc, vẫn chưa phải là nói cho chúng ta nghe! Một niệm của bọn phàm phu chúng ta dấy lên, tức là trong tâm có ý niệm, một niệm của chúng ta dấy lên, trong một

niệm này có bao nhiêu tế niệm hợp thành một niệm? Đức Phật hỏi mấy niệm, mấy tướng, mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời “*trong khoảng khảy ngón tay*”. Chúng ta nói tới một niệm và một cái khảy ngón tay; chúng ta khảy nhanh thì ước chừng trong một giây khảy được bốn lần. Nếu khảy rất nhanh, chắc là có thể khảy tới năm lần, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Ngài nói trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là đơn vị; một trăm ngàn là mười vạn. Ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu. Quý vị thấy trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu; trong một giây, chúng ta khảy bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu. Nếu khảy năm lần sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một niệm quá vi tế, làm sao chúng ta có thể cảm thấy? Di Lặc Bồ Tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, “*hình*” (形) là vật chất, là tướng cảnh giới của A Lại Da, “*hình giai hữu thức*” (hình đều có thức), đây là Chuyển Tướng của A Lại Da.

Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu: Trong tự tánh cái gì cũng đều có, chẳng thiếu gì! Nó có thể hiện, có thể sanh, có thể diệt. Niệm có thể biến, thức có thể biến. Không có thức thì nó có thể hiện, có thể sanh, có thể diệt. Thế giới Cực Lạc có thể sanh, có thể hiện, chẳng có biến, người bên ấy hoàn toàn dùng chân tâm, chẳng có vọng tâm, đều là chuyển Thức thành Trí. Do vậy, thế giới của họ vĩnh hằng không thay đổi. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, vô lượng đức năng, đều có sẵn trong tự tánh, chẳng do học được, mà là những thứ ta có sẵn từ lâu. Có phải là đã đạt đến rốt ráo hay chưa? Chưa, thật sự hoàn nguyên là cõi Thường Tịch Quang. Trong cõi Thường Tịch Quang, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều không có, đây mới gọi là “trở về tự tánh”. Làm như thế nào mới trở về tự tánh? Do trong cõi Thật Báo tuy đã đoạn vọng tưởng, nhưng tập khí vọng tưởng chưa đoạn; do có tập khí vọng tưởng, nên mới có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tập khí vọng tưởng cũng đã đoạn, chẳng còn nữa, cõi Thật Báo cũng sẽ không có. Bởi lẽ, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không phải là ngoại lệ. Trong kinh, đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ, không nói lời này! Cõi Thật Báo cũng chẳng phải là cảnh giới thật. Cảnh giới thật sự là Thường Tịch Quang. Huệ Năng đại sư thốt ra năm câu, năm câu ấy nói về Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng là “*có thể sanh vạn pháp*”. Vạn pháp sanh từ Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang có thể sanh, có thể hiện. “*Phàm cái gì có hình tướng*” đều thuộc về cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, hay cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo luân hồi là cõi Đồng Cư, chẳng có gì là chân thật. Phải hiểu: Hư không cũng là giả, chẳng thật. Thời gian và không gian đều là giả. Trong cõi Thường Tịch Quang, không có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau. Chẳng có không gian, sẽ không có khoảng cách; đây mới là thật sự trở về tự tánh.

Do vậy, cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh. Thừa quý vị, không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Hiện thân dài hay ngắn là do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh vẫn còn cảm thì tướng ấy vẫn còn. Chúng sanh chẳng

còn cảm, tướng ấy chẳng còn nữa! Cái thân này của chúng ta là thân nghiệp báo, cũng có tánh thời gian, tức là có thời gian [tồn tại] dài hay ngắn, nghiệp báo mà! Phật, Bồ Tát chẳng phải là nghiệp báo; Phật, Bồ Tát là ứng hóa, ứng theo sự cảm của chúng sanh mà hiện thân tướng. Không chỉ là hiện thân tướng loài người, mà còn có thể hiện tướng cây cối, hoa, cỏ, có thể hiện tướng núi, sông, đại địa, tướng gì các Ngài cũng đều có thể hiện. Vì vậy, chúng ta đọc những câu chuyện xưa hay công án trong Thiền Tông, có những người tham Thiền thấy cây cối, hoa, cỏ bèn khai ngộ, thấy mưa rơi trên tàu chuổi bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là gì? Nói như chúng ta hiện nay, đây chính là Phật gia trì. Trong khoảnh khắc ấy, những thứ vô tình ấy là Phật, người ấy có cảm, Phật bèn ứng hiện, khiến cho người ấy do cảnh giới đó mà hoát nhiên khai ngộ. Chẳng có chuyện nào chẳng do Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tác dụng của tự tánh, là tự tánh khởi tác dụng. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, cũng chẳng hoài nghi tí nào! Vì thế, đối với Phật, dẫu Phật hiện thân Phật đến gia trì, chúng ta cũng chẳng sanh tâm hoan hỷ, cũng chẳng bị kích động, bị kích động là hỏng rồi! Vì sao? A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà của quý vị, do tự tánh của chính quý vị biến hiện, chẳng ở bên ngoài. Thế giới Cực Lạc là duy tâm Tịnh Độ, chỗ nào là bên ngoài? Toàn là Tánh Đức, tự tánh lưu lộ. Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ vĩnh viễn tâm bình, khí hòa, vĩnh viễn là như như bất động. Huệ Năng đại sư nói rất tuyệt: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”. Quý vị vĩnh viễn giữ được “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chẳng để cho tâm dấy lên chút sóng mồi nào trong cảnh giới; như thế là đúng.

“*Thập phương xưng tán chi thành ngôn*” (là lời khen ngợi chân thành trong mười phương), câu này dễ hiểu. Lời lẽ chân thành, chắc chắn chẳng nói dối. “*Chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi, Nhất Thừa chi liễu nghĩa, vạn thiện chi tổng môn*” (là hóa nghi sẵn có của chúng sanh, là liễu nghĩa Nhất Thừa, là môn tổng quát của muôn điều thiện), những điều này đều đã nói trong phần trước. “*Tịnh Độ quần kinh bách số thập bộ chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy dĩ*” (là cương yếu của một trăm mấy chục bộ kinh giảng về Tịnh Độ, là chỗ chỉ về của các giáo pháp trong Đại Tạng Kinh), ở đây cụ cũng nói đến giáo pháp trong cả Đại Tạng Kinh, xác thực là như vậy. “*Như thượng chư hiền sở dĩ thịnh tán thử kinh giả*” (sở dĩ, các vị hiền nhân nồng nhiệt khen ngợi kinh này như trên): Xưa nay các đại đức tán thán bộ kinh này, “*cái dĩ bốn kinh trì danh Niệm Phật pháp môn*” (là vì pháp môn trì danh niệm Phật trong kinh này), mấy câu tiếp theo quan trọng lắm! “*Viên mãn*”, quá khó có! Pháp môn nào có thể giảng đến viên mãn rốt ráo? Viên mãn là gì? Mấy may khiếm khuyết cũng chẳng có, pháp môn này viên mãn. Hoa Nghiêm là viên mãn, Pháp Hoa là viên mãn, nhưng quá dài, không như kinh này. Kinh này phân lượng ít dường ấy, nhưng viên mãn như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, hiếm có lắm! “*Trực tiếp*” (thẳng thừng, nhanh chóng), thẳng thừng, thỏa đáng. “*Phương tiện*”: Pháp môn này thuận tiện nhất trong hết thảy các pháp môn. Các pháp môn đều gọi là phương tiện, pháp môn này là pháp môn thuận tiện nhất trong các phương tiện. “*Cứu cánh*” (rốt ráo): Phương tiện nào giúp quý vị thành Phật, phương tiện ấy là rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành Bồ Tát, tuyệt lắm, nhưng chưa rốt

ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành A La Hán, lại càng chẳng phải là rốt ráo! Do vậy, nay chúng tôi dạy quý vị, giúp quý vị chuyển ác thành thiện, quý vị biến thành người tốt, vẫn chưa phải là rốt ráo! Phải là thành Phật thì mới là rốt ráo; chưa thành Phật thì chưa rốt ráo. Giúp quý vị chứng Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Thế Âm vẫn chưa rốt ráo, bởi lẽ, quý vị chưa thành Phật! Pháp môn này giúp chúng ta rốt ráo thành Phật. “*Nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” (hễ vượt thoát bèn vào thẳng Phật quả, viên đốn tột cùng), cực viên, cực đốn, “*đốn*” là đốn siêu.

Dùng phương pháp gì? “*Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm*” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh nơi quả giác rốt ráo, làm cái tâm cho lũ chúng sanh chúng ta trong khi tu nhân), đây là nói rõ ra! Cụ Hoàng nói “*nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” là nói gì vậy? Là sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Đơn giản như thế đó, dễ dàng như thế đó, sanh ra hiệu quả to dường ấy, ai tin tưởng? Vì thế gọi là “*phương pháp khó tin*”. Trong kinh, đức Phật nói: “*Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Đẳng Giác Bồ Tát đối với pháp môn này giống như nhìn trăng qua một lớp the. Đây là lời ví von; giống như chúng ta ngắm mặt trăng, trăng Trung Thu [chẳng hạn], cách một lớp the, the rất mịn, “the” là một loại sa rất mịn, the như trong “the, lụa, sa, đoạn”, cách một lớp the ngắm trăng, còn cách một tầng. Đẳng Giác Bồ Tát đối với pháp môn này giống như cách một lớp the ngắm trăng; Phật chẳng có lớp the hay sa này, Đẳng Giác Bồ Tát còn bị ngăn cách bởi một lớp the hay sa. Quá sâu! Đạo lý quá sâu, nhưng sự tình quá đơn giản, do sáu chữ bèn thành công! Thật vậy ư? Thật đấy! Nay tôi nói về cư sĩ Tiểu Ly ở nơi đây, quý vị thấy cư sĩ Hoàng Trung Xương làm thí nghiệm coi sáu chữ [hồng danh] có hiệu quả hay không, ông ta thí nghiệm. Nghe nói cổ nhân niệm Phật ba năm có thể vãng sanh, ông ta bèn thí nghiệm. Ông ta mới ba mươi mấy tuổi, là một người rất trẻ, bé quan tại Thâm Quyển, nhờ cư sĩ Tiểu Ly hộ trì, hai năm mười tháng, ông Xương bèn biết trước lúc mất. Thật đấy, chẳng giả đâu! Pháp môn dễ dàng như thế đó!

Trong quá khứ, chúng tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư báo cáo. Tôi không có duyên phận này, thiếu phước phận, chẳng được gặp lão pháp sư. Tôi đến Hương Cảng, Ngài đã vãng sanh hai, ba năm rồi! Nhưng tôi nghe từ băng âm, Sư giảng khai thị trong Phật Thất, có đồng tu đem cuốn băng âm đến [cho tôi nghe]. Sư nói bằng giọng địa phương miền Bắc, tôi nghe chẳng hiểu lắm, tôi nghe liên tục không ngừng ba mươi lượt, đại khái có thể nghe hiểu chín phần. Cuối cùng, tôi rốt cuộc tìm được một đồng tu ở phương Bắc, nhờ chép toàn bộ băng âm thành văn tự, in ra một cuốn sách nhỏ. A! Sư giảng thật hay! Quý vị thấy Sư kể chuyện người thợ vá nôi là đồng tham đạo hữu của Sư, là người quen, tại gia niệm Phật, một câu A Di Đà Phật thôi! Ông thợ vá nôi không biết chữ, chưa từng đi học, ngoài bốn mươi tuổi mới xuất gia, điều gì cũng chẳng biết, là bạn chơi đùa hồi nhỏ của lão hòa thượng Đế Nhân, cùng ở trong một thôn trang. Ông ta đến tìm pháp sư Đế Nhân, cuộc sống của ông ta thật sự khổ sở quá, thấy pháp

su Đê Nhân làm pháp sư xuất gia cũng thoải mái lắm, rất hâm mộ, bèn muốn theo Ngài xuất gia. Lão pháp sư Đê Nhân cũng hết sức từ bi, gặp người bạn chơi đùa thuở ấy, bảo ông ta: “Xuất gia phải học kinh giáo. Ông lớn tuổi như thế, mà cũng chẳng biết chữ, xem ra học kinh giáo chẳng thành công!” Thuở ấy trong nhà chùa, chẳng học kinh giáo thì phải học kinh sám Phật sự. Kinh sám Phật sự là ngũ đường công khóa⁸, thấy ông ta đầu óc chậm lụt, ông học cũng chẳng thành công. Có nghĩa là “ông xuất gia làm sao được?” Nhưng người bạn ấy cứ nhất định muốn nương cậy Ngài, cuối cùng không có cách nào, Ngài bèn nói: “Tôi có điều kiện, ông có thể chấp nhận hay không?” Ông ta nói: “Su cứ nói đi, hết thầy tôi đều nghe theo lời Su”. Với điều kiện như thế, ông ta nói: “Được”, Su bèn cho ông ta xuống tóc. Sau khi xuống tóc, Su nói: “Ông không cần thọ giới. Nghi thức thọ giới ông cũng chẳng hiểu, ông cũng chẳng thọ được”. Tại vùng quê ở Ninh Ba có một ngôi miếu nát, không ai ở, cho một mình ông ta ở nơi đó, dạy ông ta một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*” sáu chữ. Su dặn dò: “*Ông ở nơi đó, niệm một câu này, niệm một bèn nghỉ. Nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp, sau này chắc có lợi lạc*”.

Bí quyết thành công của người này chẳng có gì khác: Thật thà, vâng lời, thật sự làm, ông ta bèn thành công! Quý vị thấy người ta niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh. Tại vùng quê thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện, một bà cụ già trong thôn phát hiện: “Su phụ đã đứng vãng sanh”. Quá sức lạ lùng, hiếm có, trước nay chưa hề thấy ai đứng mất! Còn có những vị lão cư sĩ niệm Phật báo cho mọi người đến xem; xem xong, sai người sang chùa Quán Tông báo tin, báo với lão hòa thượng Đê Nhân. Lão hòa thượng nghe tin này, vội vã đến xem, đi về mất ba ngày. Thấy tình hình này, lão hòa thượng Đê Nhân rất hoan hỷ, tán thán: “*Ông xuất gia chẳng uổng, khá lắm, ông mất như thế đó*”. Su tán thán: “*Đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp chẳng bằng ông, phương trượng, chủ tịch tùng lâm cũng không bằng ông! Ông đúng là giỏi lắm!*” Niệm một câu sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” ba năm, thù thắng lắm! Đó là chuyện trước mắt, không xa mấy! Trong phần trước, tôi đã kể với mọi người chuyện một bà cụ tại làng Tương Quân ở Đài Nam, cũng là niệm Phật ba năm rồi đứng mất. Lời tán thán này chẳng hư giả mảy may nào, vấn đề là chúng ta phải thật sự làm thì mới được.

Nhưng trong thời đại hiện tại, quý vị phải nhớ: Tịnh Tông là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa, người Đại Thừa phải giúp hết thầy chúng sanh khổ nạn, nhất là trong thời đại hiện tại. Chính quý vị thành tựu, nhưng không có duyên phận giáo hóa chúng sanh,

⁸ Theo quy chế tùng lâm, tăng chúng phải tham dự năm thời khóa tụng niệm, ba thời khóa trên Phật đường, hai thời khóa trong trai đường, nên gọi là “*ngũ đường công khóa*”, tức tảo khóa (khóa tụng kinh sáng), tảo xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm sáng), cúng Ngọ, ngộ xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm trưa), và vãn khóa (khóa tụng kinh tối). Trừ các pháp sư chuyên giảng kinh pháp, các pháp sư khác phải thuộc nghi thức và biết sử dụng pháp khí để thay phiên nhau dẫn chúng trong các khóa tụng niệm này.

bèn có thể thị hiện giống như vậy. Nếu có duyên phận giáo hóa chúng sanh, quý vị còn trụ thêm mấy năm nữa. Trụ thêm mấy năm nữa, chẳng trở ngại. Do vậy, nếu muốn đến chỗ hết thấy chư Phật Như Lai, nhất là muốn đến chỗ A Di Đà Phật, nguyện vọng của A Di Đà Phật là gì? Phổ độ hết thấy chúng sanh khổ nạn trong mười pháp giới. Chúng ta hiểu ý A Di Đà Phật, chúng ta cũng khiến cho A Di Đà Phật hoan hỷ, mang thêm nhiều người đi. Quý vị mang thêm càng nhiều càng hay, đây là chuyện tốt. Vì thế, chớ nên làm kẻ tự giải thoát cho riêng mình như trong Tiểu Thừa, tức là vừa thành tựu đã ra đi ngay lập tức, chẳng đúng! Vì sao người thợ vá nồi đi ngay lập tức? Người thợ vá nồi ra đi là có lý, ông ta thị hiện, đó là Tác Chứng Chuyển. Cư sĩ Hoàng Trung Xương cũng là thị hiện, chứng minh cho người niệm Phật chúng ta. Tôi giảng kinh tại Hương Cảng, chúng tôi ở đây rất gần, ông ta mỗi ngày nghe CD của tôi. Tôi ở đây là Khuyến Chuyển, Thị Chuyển, ông ta Tác Chứng Chuyển bên ấy, chứng minh những điều kinh nói chẳng giả, mà là chuyện thật, quyết định [thành tựu] trong một đời! Hơn nữa, trong ba năm ngắn ngủi, quý vị có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, có thể vượt thoát mười pháp giới. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào có thể làm được? Chỉ có pháp môn này! Chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, “*Viên mãn trực tiếp, phương tiện cứu cánh*” là thật, chẳng giả chút nào! Do vậy, pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất, lại còn nhanh chóng nhất. Điểm mấu chốt là quý vị có thể buông những thứ vật vãnh trong thế gian xuống hay không? Những kẻ chẳng thể vãng sanh vốn là vì lý do này: Quý vị vẫn còn tham luyến thế gian này, vẫn muốn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vậy là hết cách! A Di Đà Phật chẳng thể lôi quý vị đi theo, vì quý vị chẳng bỏ thế gian này được! A Di Đà Phật gạt đầu, bỏ đi, đợi lần sau vậy! Khi nào quý vị buông hết xuống, A Di Đà Phật sẽ đến, chúng ta chẳng thể không biết điều này! Thời gian đã hết rồi mà tôi không thấy. Hôm nay chúng ta học tới đây, cảm ơn mọi người.